

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2020

Số: 366/QĐ-STP

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành và áp dụng các quy trình giải quyết TTHC thuộc tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

### **GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Căn cứ Công văn số 1314/SKHCN-TĐC ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ Khoa học và công nghệ về việc hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Căn cứ Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực trọng tài thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hòa giải thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa; danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp thành phố, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội và liên thông với Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành và áp dụng các quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào các hoạt động quản lý và giải quyết TTHC tại Sở bắt đầu từ ngày 29/10/2020, thay thế quy trình giải quyết TTHC tại các quyết định số 141/QĐ-STP ngày 04/6/2020 và Quyết định số 186/QĐ-STP ngày 30/6/2020 của Sở Tư pháp.

(Danh mục quy trình giải quyết TTHC theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).



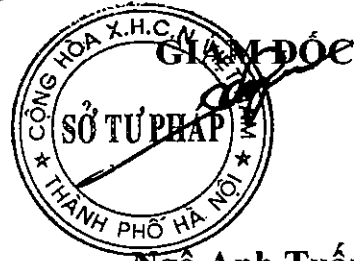
**Điều 2.** Trưởng các phòng chuyên môn và ban chỉ đạo ISO có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn CBCC, người lao động tổ chức triển khai áp dụng, tuân thủ chặt chẽ tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Văn phòng Sở, các phòng chuyên môn, cán bộ, công chức, người lao động cơ quan Sở và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

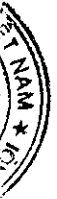
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND Thành phố (để b/c);
- Các đ/c PGĐ Sở (để chi đạo);
- Lưu: VT.



**Ngô Anh Tuấn**



## PHỤ LỤC

## DANH MỤC QUẢN TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 366/QĐ-STP ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Sở Tư pháp)

TT	Tên Quy trình giải quyết TTHC	Lĩnh vực	Mã hiệu	Lần ban hành	Ghi chú
1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	QT - 01	02	
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	QT - 02	02	
3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư	QT - 03	02	
4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư	QT - 04	02	
5	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	QT - 05	02	
6	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư	QT - 06	02	
7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	QT - 07	02	
8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	QT - 08	02	
9	Hợp nhất công ty luật	Luật sư	QT - 09	02	
10	Sáp nhập công ty luật	Luật sư	QT - 10	02	
11	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư	QT - 11	02	
12	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư	QT - 12	02	
13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư	QT - 13	02	
14	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	QT - 14	02	
15	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	QT - 15	02	
16	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Công chứng	QT - 16	02	
17	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	QT - 17	02	

18	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	QT - 18	02	
19	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	QT - 19	02	
20	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	QT - 20	02	
21	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	QT - 21	02	
22	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	Công chứng	QT - 22	02	
23	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	Công chứng	QT - 23	02	
24	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	QT - 24	02	
25	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	Công chứng	QT - 25	02	
26	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Công chứng	QT - 26	02	
27	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	Công chứng	QT - 27	02	
28	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	QT - 28	02	
29	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng	QT - 29	02	
30	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Công chứng	QT - 30	02	
31	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	Công chứng	QT - 31	02	
32	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	QT - 32	02	
33	Hợp nhất Văn phòng công chứng	Công chứng	QT - 33	02	
34	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Công chứng	QT - 34	02	
35	Sáp nhập Văn phòng công chứng	Công chứng	QT - 35	02	
36	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Công chứng	QT - 36	02	
37	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	Công chứng	QT - 37	02	
38	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	Công chứng	QT - 38	02	

SỞ TƯ PHÁP

39	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Trợ giúp pháp lý	QT - 39	02	
40	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	QT - 40	02	
41	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	QT - 41	02	
42	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	QT - 42	02	
43	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	QT - 43	02	
44	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	QT - 44	02	
45	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	QT - 45	02	
46	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	QT - 46	02	
47	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Tư vấn pháp luật	QT - 47	02	
48	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	QT - 48	02	
49	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	QT - 49	02	
50	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	QT - 50	02	
51	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quản lý, thanh lý tài sản	QT - 51	02	
52	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản lý, thanh lý tài sản	QT - 52	02	
53	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản lý, thanh lý tài sản	QT - 53	02	
54	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản lý, thanh lý tài sản	QT - 54	02	
55	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản lý, thanh lý tài sản	QT - 55	02	
56	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	QT - 56	02	
57	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	QT - 57	02	

58	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	QT - 58	02	
59	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	QT - 59	02	
60	Chuyển đổi loại hình văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	QT - 60	02	
61	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	QT - 61	02	
62	Chấm dứt hoạt động văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	QT - 62	02	
63	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của văn phòng	Giám định tư pháp	QT - 63	02	
64	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Giám định tư pháp	QT - 64	02	
65	Cấp Thẻ đấu giá viên	Đấu giá tài sản	QT - 65	02	
66	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	Đấu giá tài sản	QT - 66	02	
67	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	QT - 67	02	
68	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	QT - 68	02	
69	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	QT - 69	02	
70	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	QT - 70	02	
71	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	Đấu giá tài sản	QT - 71	02	
72	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	QT - 72	02	
73	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Hộ tịch	QT - 73	02	
74	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Quốc tịch	QT - 74	02	
75	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	Quốc tịch	QT - 75	02	
76	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	QT - 76	02	
77	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	QT - 77	02	

78	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	QT - 78	02	
79	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi	QT - 79	02	
80	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi	QT - 80	02	
81	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	Bồi thường nhà nước	QT - 81	02	
82	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Bồi thường nhà nước	QT - 82	02	
83	Phục hồi danh dự	Bồi thường nhà nước	QT - 83	02	
84	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Lý lịch tư pháp	QT - 84	02	
85	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	Lý lịch tư pháp	QT - 85	02	
86	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Lý lịch tư pháp	QT - 86	02	
87	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Hòa giải thương mại	QT - 87	02	
88	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Hòa giải thương mại	QT - 88	02	
89	Thay đổi tên gọi trong Giấy Đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	QT - 89	02	
90	Đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	QT - 90	02	
91	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	QT - 91	02	

92	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Hòa giải thương mại	QT - 92	02	
93	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Hòa giải thương mại	QT - 93	02	
94	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	QT - 94	02	
95	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Hòa giải thương mại	QT - 95	02	
96	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	QT - 96	02	
97	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	QT - 97	02	
98	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	QT - 98	02	
99	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Trọng tài thương mại	QT - 99	02	
100	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	QT - 100	02	



101	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	QT - 101	02	
102	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp - Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài.	Liên thông	QT - LT-01	02	